Phụ lục 3

ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG LĨNH VỰC TRỢ GIÚP XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ CHĂM SÓC TRẺ EM; DỊCH VỤ XÃ HỘI TRONG CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI

(Đơn giá chi phí tiền lương đối với nhân viên tư vấn, tâm lý, tham vấn và chi phí quản lý tính trên từng cơ sở, không phụ thuộc vào số đối tượng sử dụng dịch vụ)

(Kèm theo Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 11 / 5 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Chi phí tiền lương, chi phí quản lý không phụ thuộc vào số đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá cho 01 cơ sở/năm (đồng)
1	Chi phí tiền lương đối với nhân viên tư vấn, tâm lý, tham vấn (01 nhân viên/cơ sở)	Cơ sở/năm	153.316.800
2	Chi phí quản lý (20% cán bộ, nhân viên cơ sở)		
	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hộ số 1 (8,4 nhân viên/cơ sở)	Cơ sở/năm	1.287.861.100
	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 2 (7,8 nhân viên/cơ sở)	Cơ sở/năm	1.195.871.000

Ghi chú:

'*** Các chi phí chưa kết cấu trong đơn giá***

'- Hệ số phụ cấp khu vực theo quy định tại Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24/12/2025 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT- BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực, trong đó: Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 1 có hệ số phụ cấp khu vực 0,3; Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 2 có hệ số phụ cấp khu vực 0,3. Thực hiện trên biên chế được giao tại đơn vị hằng năm.

'- Chi phí cấp thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội theo phát sinh thực tế tại đơn vị.